

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **221/2022/HSST**
Ngày 20/10/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn;

Ông Ngô Minh Tuấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện K sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan, K sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 228/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐ-TA ngày 07/10/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình N; **Sinh năm 1997 tại Hà Nội;** Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Tổ 1, phường O, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Đình Q; Sinh năm: 1958; Họ tên mẹ: Nguyễn Xuân D; Sinh năm: 1961; Tiền án, tiền sự: Tại Bản án số 227/2019/HSST ngày 08/10/2019, TAND quận Bắc Từ Liêm xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án 293/2021/HSST ngày 08/12/2021, TAND quận Nam Từ Liêm xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5 Bộ Công an; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Xóm L, thôn P, xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi N vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N; Sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 2, phường H, quận Đống Đa, TP Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 3, phường T, quận Đống Đa, TP. Hà Nội Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/12/2018, bị cáo Nguyễn Đình N đến gặp anh Nguyễn Văn Long là bạn của bị cáo tại nhà chị K tại số 557 Nguyễn Hoàng Tôn, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Bị cáo N thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, biển K soát: 99H1-208.39 của chị K dựng ngoài sân liền hỏi chị K cho mượn xe để về nhà thay quần áo, chị K đồng ý rồi anh Long đưa chìa khóa xe máy cho bị cáo. Bị cáo N nói với chị K cho bị cáo mượn xe một lúc về thay quần áo và sẽ quay lại trả cho chị K luôn. Bị cáo điều khiển xe máy đi về nhà mình ở số 22 ngõ 181 đường Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Ngày 08/12/2018, do cần tiền nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của chị K. Thông qua một người bạn tên “Tuấn” (Không rõ nhân thân, có số điện thoại 0916138258), bị cáo được giới thiệu đến gặp bà Lê Thị N để cầm cố chiếc xe máy trên. Ban đầu bà N không đồng ý do xe máy không có giấy tờ nhưng khi bị cáo nói là con của bà Dung, người quen của bà N, nên bà N đồng ý. Chiều ngày 08/12/2022, bà N, bị cáo và “Tuấn” đến số nhà 21 ngõ 252 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội gặp ông Nguyễn Văn T. Tại đây, bà N nói với ông T là có đứa cháu nhà hoàn cảnh khó khăn cần tiền để đi khám nên muốn vay 6 triệu đồng và để lại chiếc xe máy Honda Airblade của người yêu (không có đăng ký xe) và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả tiền. Sau khi nghe bà N nói chuyện, ông T đồng ý và bảo bị cáo viết 01 giấy vay tiền. Bị cáo viết giấy vay tiền ghi tên, năm sinh, địa chỉ của bị cáo, vay số tiền 6.000.000đồng và để lại chiếc xe máy Honda Airblade cho ông T giữ. Sau khi vay được tiền, bị cáo cho bà N 300.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã tiêu xài hết.

Sau ngày bị cáo N mượn xe, chị K và anh Long nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bị cáo trả lại xe máy cho chị K nhưng bị cáo không nghe máy. Đến ngày 09/12/2018, bị cáo sử dụng số điện thoại 0387943462 nhắn tin cho anh Long và bảo liên hệ vào số điện thoại 0915138293 để chuộc lại xe với số tiền là 06 triệu đồng. Chị K gọi vào số điện thoại trên thì bà N thông báo N đã cầm cố xe máy và bảo chị K đến ngõ 252 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội để chuộc xe nên chị K đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Sau khi chiếm đoạt chiếc xe của chị K, bị cáo N bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Vật chứng thu giữ của ông T: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, biển K soát: 99H1-208.39, số máy: JF63E-1766073, số khung: RLHJF6302FZ773042; 01 giấy vay tiền ghi tên Triệu Đình N; Thu giữ của bà N số tiền 300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 17/KLĐGTS ngày 23/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bắc Từ Liêm kết luận: *01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, biển K soát: 99H1-208.39, số khung: 773042, số máy: 1766073, tài sản đã qua sử dụng hiện vẫn còn sử dụng được, trị giá 35.000.000 đồng.*

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, biển K soát: 99H1-208.39 nêu trên là của chị Nguyễn Thị K. Ngày 16/3/2019, Cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm đã trao trả chiếc xe cho chị K. Chị K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với người tên “Tuấn”, bị cáo N và bà N không biết tên tuổi địa chỉ của người này chỉ biết “Tuấn” sử dụng số điện thoại 0916138258, chủ thuê bao là anh Lê Văn Tuấn, sinh năm 1985; ĐKNKTT: Thôn Đồng Xuân, xã Nhữ Khê, Yên Sơn, Tuyên Quang. Anh Tuấn khai: Khoảng năm 2011 -2012, anh Tuấn có đăng ký số thuê bao 0916138258 để sử dụng, đến năm 2016, anh Tuấn bị mất điện thoại nên không sử dụng số điện thoại đó nữa. Anh không biết hiện ai đang sử dụng số điện thoại này và anh cũng không quen biết ai tên là Nguyễn Đình N.

Đối với bà Lê Thị N: Do bị cáo N nói là xe máy của người yêu và N là con của bà Nguyễn Xuân Dung nên bà N tin tưởng và giới thiệu N đến gặp ông T để cầm cố chiếc xe mà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Số tiền 300.000 đồng bị cáo cho bà N, bà N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với ông Nguyễn Văn T: Bà N giới thiệu bị cáo đến gặp ông T vay 6.000.000 đồng và nhận xe máy của bị cáo để lại làm tin. Ông T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có.

Về dân sự: Ông T yêu cầu bị cáo N phải trả cho ông số tiền 6.000.000 đồng mà bị cáo đã vay của ông.

Tại Bản cáo trạng số 228/CT-VKS, ngày 05/10/2022, Viện K sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện K sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N mức án từ 22 – 26 tháng tù; Buộc bị cáo phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng; Tịch thu sung quỹ số tiền 300.000 đồng bà N thu lời bất chính mà đã tự nguyện giao nộp.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của K sát viên, bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Ngày 06/12/2018, tại số 557 Nguyễn Hoàng Tôn, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Đình N mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, mang biển K soát 99H1 –

208.39, trị giá 35.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị K để đi về nhà. Đến ngày 08/12/2018, bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, dù không được sự cho phép của chị K, bị cáo N đã mang chiếc xe đi cầm cố cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 6.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Lợi dụng lòng tin của bị hại đối với bị cáo, chiếm đoạt tài sản của bị hại rồi bỏ trốn. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; Lần đầu phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Tại Bản án số 227/2019/HSST ngày 08/10/2019, TAND quận Bắc Từ Liêm xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Hành vi phạm tội xảy ra ngày 30/6/2019), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án này); Tại Bản án 293/2021/HSST ngày 08/12/2021, TAND quận Nam Từ Liêm xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Hành vi phạm tội xảy ra ngày 26/7/2021) - Hiện đang chấp hành bản án này tại Trại giam số 5 Bộ Công an.

[6] Xét hành vi phạm tội, tính chất tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt Tại Bản án số 293/2021/HSST ngày 08/12/2021, TAND quận Nam Từ Liêm đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù (Thời hạn tù kể từ ngày 27/7/2021) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật và bị cáo đang trong thời gian chấp hành án nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 293/2021/HSST nêu trên và hình phạt của bản án mới..

[7] Về dân sự:

Chiếc xe máy Honda Airblade màu đen xám, mang biển K soát 99H1 – 208.39 bị cáo chiếm đoạt của chị K đã được trả lại cho chị K, chị K không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xét.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng bị cáo đã vay của ông T và để lại chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt của chị K để làm tin là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T.

Số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp cho cơ quan điều tra, là số tiền bị cáo có được từ số tiền bị cáo vay của ông T khi cầm cố xe và cho bà N (Để cảm ơn) là số tiền có được từ giao dịch bất chính, cần tịch thu sung quỹ.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải bồi thường dân sự cho người có quyền lợi, N vụ liên quan nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và mức án phí phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị gì đối với hoạt động, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng; Cơ quan Cảnh sát điều tra, điều tra viên, Cơ quan K sát, K sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền N vụ của mình, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng:

Điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Các điều 464, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Các điều 136, 328, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 18 (Mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 293/2021/HSST ngày 08/12/2021, TAND quận Nam Từ Liêm đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù; Thời hạn tù kể từ ngày 27/7/2021 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2021.

3. Về các vấn đề khác

3.1. Về dân sự: Buộc bị cáo trả cho ông T số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

3.2. Tịch thu sung quỹ số tiền 300.000 đồng (Theo Giấy nộp tiền ngày 12/9/2022 vào tài khoản số 3949 tại Kho bạc Nhà nước quận Bắc Từ Liêm).

3.3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông T, nếu bị cáo chậm trả khoản tiền nêu trên thì phải trả khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3.2. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghi vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện K sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện K sát nhân dân Q. Bắc Từ Liêm;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan